

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST  
Ngày: 20 - 3 - 2026  
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng  
lao động vô hiệu

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thoa.

Ông Vũ Văn Thi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Gia Duy và bà Lê Thị Minh H - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A khu dân cư N, phường K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim T – Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ - Giám đốc nhà máy S1 (Giấy ủy quyền ngày 22/01/2026); có văn bản xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng; xin vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố H; địa chỉ: Số B đường H, phường H, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H1 – Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Lan H2 – Phó giám đốc; có văn bản xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Năm 2009, chị M cho chị Phạm Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) mượn toàn bộ giấy tờ cá nhân để ký hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 với Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với tên Phạm Thị M từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 3 năm 2011 thì thôi do chị L nghỉ việc. Cũng trong thời gian này, chị M ký hợp đồng lao động vào làm công nhân tại Công ty TNHH J có địa chỉ tại khu công nghiệp N - Hải Phòng và tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 2 năm 2011.

Chính vì lý do trên, hiện tại có 02 sổ bảo hiểm xã hội đều đứng tên Phạm Thị M đó là: Sổ bảo hiểm mã số: 3110004617 của chị M và sổ bảo hiểm mã số: 3109102240 của chị L nhưng đứng tên Phạm Thị M. Do vậy chị M gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Để đảm bảo quyền lợi của mình, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 được giao kết giữa chị: Phạm Thị L (lấy tên Phạm Thị M) với Công ty TNHH S là hợp đồng vô hiệu. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu này và nhận chịu cả án phí lao động sơ thẩm.

Tại văn bản số: 01.01/2026/CVSV ngày 09/01/2026, Công ty TNHH S trình bày: Công ty có ký hợp đồng lao động số: 0980382 ngày 26/11/2009 với người lao động (theo giấy tờ cá nhân) là Phạm Thị M, sinh ngày 28/4/1992; Số CMND: 142526934 cấp ngày 15/5/2007; ĐKTT: Hiến Thành, K, Hải Dương. Công ty TNHH S cho người lao động với mã sổ bảo hiểm xã hội: 3109102240 từ tháng 12/2009. Quá trình ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội, Công ty TNHH S chỉ căn cứ vào các giấy tờ có trong hồ sơ do người lao động cung cấp nên không thể xác minh chính xác được người ký hợp đồng lao động có đúng là người có nhân thân như trong hồ sơ hay không. Công ty TNHH S đã chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động Phạm Thị M, báo giảm quá trình bảo hiểm xã hội vào tháng 4 năm 2011 và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động mang tên Phạm Thị M. Do trụ sở làm việc của Công ty thay đổi, người lao động đã nghỉ việc từ lâu nên hồ sơ nhân sự, hợp đồng lao động cũng như các giấy tờ khác liên quan đến người lao động Phạm Thị M hiện không còn lưu giữ nên Công ty không thể cung cấp hợp đồng lao động nêu trên cho Tòa án.

Nay Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng thụ lý vụ án về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, Công ty TNHH S nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin phép được vắng mặt trong suốt các hoạt động tố tụng và tại phiên tòa. Công ty TNHH S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị L trình bày: Năm 2009, chị L mượn toàn bộ hồ sơ (sơ yếu lý lịch, căn cước công dân ...) của chị Phạm Thị M, sinh năm 1992; ĐKTT: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (cô họ) để ký hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 với Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với tên Phạm Thị M từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 3 năm 2011 thì chị L nghỉ việc. Trong thời gian này chị M cũng ký hợp đồng lao động làm việc và tham gia bảo hiểm bắt buộc từ tháng 10 năm 2010. Chính vì lý do trên dẫn đến việc chị M hiện tại có 02 số bảo hiểm xã hội mã số là: 3110004617 và 3109102240 nên chị M gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Nay chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 được giao kết giữa chị L (lấy tên Phạm Thị M) với Công ty TNHH S là hợp đồng vô hiệu thì chị Liên hoàn T1 nhất trí. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu này.

Do bận công việc và ở xa, nên chị L xin phép được vắng mặt tại các hoạt động tố tụng tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Văn bản ngày 25/11/2025, Bảo hiểm xã hội thành phố H trình bày: Qua kiểm tra, rà soát danh sách tham gia Bảo hiểm xã hội và dữ liệu trên hệ thống phần mềm quản lý, Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng xác nhận bà Phạm Thị M, sinh ngày 28/4/1992, số chứng minh nhân dân: 142526934, mã số 3109102240 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011. Nay chị M có yêu cầu khởi kiện, Bảo hiểm xã hội thành phố H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Xác minh tại Bảo hiểm xã hội cơ sở A cung cấp: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1992 có mã số bảo hiểm xã hội 3110004617 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở A. Chị M tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH J từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 02 năm 2011. Đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 02 năm 2011. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 02 năm 2011 là 05 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 02 năm 2011 là 05 tháng.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã được Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Năm 2009, chị Phạm Thị L mượn hồ sơ cá nhân của chị Phạm Thị M để ký hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 với Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp ... với thời hạn 01 năm 04 tháng. Việc làm của chị L là thể hiện cung

cấp thông tin không trung thực, sử dụng hồ sơ để đi làm là vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động được quy định tại Bộ luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019; ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 được xác lập giữa người lao động chị Phạm Thị M (trên thực tế là người lao động Phạm Thị L) với Công ty TNHH S là vô hiệu.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện nộp án phí lao động của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa nguyên đơn chị Phạm Thị M với bị đơn Công ty TNHH S có nhà máy tại xã A, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về lao động; căn cứ khoản 5 Điều 32; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về thủ tục uỷ quyền: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bảo hiểm xã hội thành phố H) uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng. Xét việc uỷ quyền thực hiện bằng văn bản, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về thủ tục uỷ quyền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc uỷ quyền này.

[3] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Năm 2009, chị Phạm Thị L mượn hồ sơ cá nhân của chị Phạm Thị M (cô họ) để ký hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 với Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 3 năm 2011 với tên Phạm Thị M, sinh ngày 28/4/1992; mã số BHXH: 3109102240. Việc chị L sử dụng hồ sơ cá nhân của chị M để giao kết các hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp

đồng không có hiệu lực. Căn cứ các Điều 122, 127, 128, 129, 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 được giao kết giữa chị Phạm Thị L (lấy tên Phạm Thị M) với Công ty TNHH S là hợp đồng vô hiệu.

[5] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Do các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 32; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 ;

Căn cứ Điều 122, 127, 128, 129, 136 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 ; Điều 15; khoản 1 Điều 16; Điều 49, 50 và Điều 190 ;

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động số 0980382 ngày 26/11/2009 được giao kết giữa chị Phạm Thị L (lấy tên Phạm Thị M) với Công ty TNHH S là hợp đồng vô hiệu.

- Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí lao động sơ thẩm. Chị M đã nộp đủ số tiền này tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008643 ngày 25/12/2025.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 2 – Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chính**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thi**

**Nguyễn Thị Thoa**

**Nguyễn Văn Chính**